TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/DSPT-HNGĐ
Ngày: 17/10/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Minh.
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Tuấn Anh
Ông Nguyễn Thanh Bình.
- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Công - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: **Ông Vũ Viết Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLPT-HNGĐ ngày 09/8/2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Do bản án dân sự số: 34/2018/HNGĐ-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trà G, sinh năm 1981. Có mặt.
Trú tại: 376 đường N, phường T, thành phố B, Bắc Ninh.
Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1978. Có mặt.
Trú tại: 421 đường N, phường T, thành phố B, Bắc Ninh.
Người có kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Trà G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Trà G trình bày: Chị kết hôn với Trần Văn H, sinh năm 1978, có HKTT tại 421 đường Ngô Gia Tự, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 15/3/2007. Trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh H hay ghen tuông vô cớ và đánh đập chị, anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không đoàn tụ được. Gần đây

nhất vào tháng 01/2018 chị phải báo công an phường T về vụ việc anh H đánh đập chị nhưng nghĩ đến các con nên không yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu anh H phải chịu trách nhiệm. Hiện nay tài liệu về vụ việc vẫn đang lưu giữ tại Công an phường T, thành phố B. Từ tháng 4/2018 chị G chuyển ra ở riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Trần Mai Anh, sinh ngày 27/02/2008 và cháu Trần Đức Minh, sinh ngày 02/11/2011. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị tự thỏa thuận về tài sản, vợ chồng chị không nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Trần Văn H trình bày: Anh xác nhận điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân và con chung như chị G trình bày là đúng, nay chị G có đơn xin ly hôn, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng có thể tự hòa giải được và không muốn ly hôn mà muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dậy con cái trưởng thành. Nếu chị G nhất định muốn ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung như phần trình bày của chị G, hiện nay hai cháu đang ở cùng bà ngoại. Trong các biên bản lấy lời khai quan điểm của anh là chưa đồng ý giải quyết ly hôn nên anh không có ý kiến gì về phần con chung. Nhưng tại phiên tòa, anh trình bày có nhà và cửa hàng kinh doanh, đủ thu nhập chăm sóc tốt cho các con nên đề nghị sau khi ly hôn được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm đã căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trà G ly hôn anh Trần Văn H.

Về con chung: Giao cháu Trần Mai Anh, sinh ngày 27/02/2008 cho chị Nguyễn Thị Trà G nuôi dưỡng. Anh Trần Văn H nuôi cháu Trần Đức Minh, sinh ngày 02/11/2011. Cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền thăm nom con chung, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/7/2018 chị Nguyễn Thị Trà G có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc được nuôi cả hai con. Cũng tại phiên tòa, anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Trà G đã thỏa thuận với nhau để chị G nuôi cả hai con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm: Các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm định tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Chị Nguyễn Thị Trà G kết hôn với anh Trần Văn H năm 2007, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và đã có với nhau hai con chung là cháu Trần Mai Anh, sinh ngày 27/02/2008 và cháu Trần Đức Minh, sinh ngày 02/11/2011. Trong thời gian chung sống tiếp theo vợ chồng anh chị thường xuyên có mâu thuẫn cãi vã đánh nhau, đỉnh điểm là tháng 01/2018 vợ chồng anh chị đã có xô xát khiến chị G phải nhập viện, kể từ đó vợ chồng anh chị sống ly thân nhau, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn chị G đã khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Tòa án đã thụ lý đơn của chị G và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm chị G có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị được nuôi cả hai con chung của vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay chị Nguyễn Thị Trà G và anh Trần Văn H đã thỏa thuận được với nhau là giao hai con chung cho chị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận này và sửa án sơ thẩm về nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Sửa bản án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trà G được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Trần Mai Anh, sinh ngày 27/02/2008 và cháu Trần Đức Minh sinh ngày 02/11/2011 cho chị Nguyễn Thị Trà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị Trà G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị G đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000628 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Chị G phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận chị G đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000968 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *TAND TP Bắc Ninh;*
- *Chi cục THADS TP Bắc Ninh;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Minh